

PHỤ LỤC 1

DANH SÁCH XÁC NHẬN NGUỒN GỐC SỬ DỤNG ĐẤT, VỊ TRÍ ĐẤT, TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT NÔNG NGHIỆP ĐANG SỬ DỤNG, TỈ LỆ % ĐẤT NÔNG NGHIỆP BỊ THU HỒI, HỘ GIA ĐÌNH CÁ NHÂN ĐANG TRỰC TIẾP SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÀ CÓ NGUỒN THU NHẬP TRÊN THỪA ĐẤT THU HỒI, THUỘC HAY KHÔNG THUỘC ĐỐI TƯỢNG QUY ĐỊNH TẠI ĐIỂM a, b, c KHOẢN 1 ĐIỀU 22 NGHỊ ĐỊNH 88/2024/NĐ-CP NGÀY 15/7/2024 CỦA CHÍNH PHỦ

ĐỊ ẢN: ĐƯỜNG HOÀNG SA - ĐỐC SỎI, ĐOẠN QUA XÃ TỊNH ẢN ĐÔNG (NAY LÀ PHƯỜNG TRƯỞNG QUANG TRỌNG), TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Công văn số: /UBND-PKTHĐTĐT ngày /10/2025 của UBND phường Trương Quang Trọng)

| STT | Tên chủ sử dụng đất      | Tờ bản đồ địa chính khu đất dự án |          |                  |         |                |                     |          | Thông tin GCNQSD đất đưa vào phương án dồn điền đổi thửa |         |           |          |                          | Kết quả thực hiện phương án dồn điền đổi thửa theo Quyết định phê duyệt số 384/QĐ-UBND ngày 11/02/2019 của UBND thành phố Quảng Ngãi |                                                                |                                                     |         |           | Danh sách hộ gia đình, cá nhân được phê duyệt theo Quyết định số 7617/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thành phố | Thông tin kết quả kiểm tra, niêm yết công khai |                                   |                                                                                   |                                                                                                      |                     |                                                                                                                                                                                               | Ghi chú |          |                                                  |
|-----|--------------------------|-----------------------------------|----------|------------------|---------|----------------|---------------------|----------|----------------------------------------------------------|---------|-----------|----------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|---------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------|--------------------------------------------------|
|     |                          | Tờ BD                             | Tờ BD DC | Tờ BD DC quy đổi | Số thửa | Diện tích thửa | Diện tích quy hoạch | Loại đất | Tờ BD DC                                                 | Số thửa | Diện tích | Loại đất | Tên chủ sử dụng đất      | Số ngày cấp GCNQSD đất                                                                                                               | Văn bản thỏa thuận chuyển đổi đất nông nghiệp (ngày/tháng/năm) | Thông tin thửa đất theo phương án dồn điền đổi thửa |         |           |                                                                                                                  | Nguồn gốc đất theo GCNQSDĐ                     | Chủ sử dụng đất                   | Vị trí đất nông nghiệp theo QĐ số 4653/QĐ-UBND ngày 22/10/2024 của UBND thành phố | Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng theo GCNQSDĐ và hồ sơ địa chính tại xã Tịnh An Đông (cũ) | Tỷ lệ % đất thu hồi | Hộ gia đình, cá nhân có trực tiếp sản xuất nông nghiệp, đang sử dụng đất nông nghiệp và có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên thửa đất đó (có thì ghi là có, không thì ghi là không) |         |          |                                                  |
|     |                          |                                   |          |                  |         |                |                     |          |                                                          |         |           |          |                          |                                                                                                                                      |                                                                | Tờ BD DC                                            | Số thửa | Diện tích |                                                                                                                  |                                                |                                   |                                                                                   |                                                                                                      |                     |                                                                                                                                                                                               |         | Loại đất | Biên bản giao đất trên thực địa (ngày/tháng/năm) |
| 1   | Hộ ông Lư Trung Bê       | 1                                 | 13       | 54               | 2041    | 519,9          | 519,9               | LUC      | 13                                                       | 497     | 557,4     | LUC      | Hộ ông Lư Trung Bê       | CS04165 ngày 30/12/2017                                                                                                              | 25/12/2018                                                     | 13                                                  | 2041    | 519,9     | LUC                                                                                                              | 20/9/2021                                      | Hộ ông Lư Trung Bê (STT 05)       | Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất                                      | Hộ ông Lư Trung Bê                                                                                   | 1                   | 4556                                                                                                                                                                                          | 11,4%   | Có       | Số TT 06 tại PA dồn điền đổi thửa                |
| 2   | Hộ ông Trần Bộ           | 1                                 | 13       | 54               | 2011    | 439,9          | 227,9               | LUC      | 13                                                       | 480     | 461,9     | LUC      | Hộ ông Trần Bộ           | CS02911 ngày 30/12/2017                                                                                                              | 25/12/2018                                                     | 13                                                  | 2011    | 439,9     | LUC                                                                                                              | 20/9/2021                                      | Hộ ông Trần Bộ (STT 08)           | Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất                                      | Hộ ông Trần Bộ                                                                                       | 1                   | 1771                                                                                                                                                                                          | 12,9%   | Có       | Số TT 11 tại PA dồn điền đổi thửa                |
| 3   | Bà Nguyễn Thị Bường      | 1                                 | 13       | 54               | 2024    | 393,9          | 228,9               | LUC      | 13                                                       | 509     | 416,3     | LUC      | Bà Nguyễn Thị Bường      | 05786 ngày 30/12/2017                                                                                                                | 25/12/2018                                                     | 13                                                  | 2024    | 393,9     | LUC                                                                                                              | 20/9/2021                                      | Bà Nguyễn Thị Bường (STT 09)      | Nhận thừa kế đất được nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất                | Bà Nguyễn Thị Bường                                                                                  | 1                   | 416,3                                                                                                                                                                                         | 55,0%   | Có       | Số TT 12 tại PA dồn điền đổi thửa                |
| 4   | Hộ ông Phạm Cảnh         | 1                                 | 13       | 54               | 1977    | 659,7          | 224,2               | LUC      | 13                                                       | 331     | 704,5     | LUC      | Hộ ông Phạm Cảnh         | CS02903 ngày 30/12/2017                                                                                                              | 25/12/2018                                                     | 13                                                  | 1977    | 659,7     | LUC                                                                                                              | 20/9/2021                                      | Hộ ông Phạm Cảnh (STT 11)         | Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất                                      | Hộ ông Phạm Cảnh                                                                                     | 1                   | 2080                                                                                                                                                                                          | 10,8%   | Có       | Số TT 15 tại PA dồn điền đổi thửa                |
| 5   | Hộ bà Phạm Thị Châu      | 1                                 | 13       | 54               | 2039    | 470,7          | 384,1               | LUC      | 13                                                       | 551     | 504,8     | LUC      | Hộ bà Phạm Thị Châu      | CS02926 ngày 30/12/2017                                                                                                              | 25/12/2018                                                     | 13                                                  | 2039    | 470,7     | LUC                                                                                                              | 20/9/2021                                      | Hộ bà Phạm Thị Châu (STT 12)      | Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất                                      | Hộ bà Phạm Thị Châu                                                                                  | 1                   | 3669                                                                                                                                                                                          | 10,5%   | Có       | Số TT 16 tại PA dồn điền đổi thửa                |
| 6   | Hộ ông Hồ Ngọc Đình      | 1                                 | 13       | 54               | 1996    | 1.041,2        | 594,4               | LUC      | 13                                                       | 450     | 581,9     | LUC      | Hộ ông Hồ Ngọc Đình      | CS03825 ngày 30/12/2017                                                                                                              | 25/12/2018                                                     | 13                                                  | 1996    | 1.041,2   | LUC                                                                                                              | 20/9/2021                                      | Hộ ông Hồ Ngọc Đình (STT 25)      | Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất                                      | Hộ ông Hồ Ngọc Đình                                                                                  | 1                   | 1764                                                                                                                                                                                          | 33,7%   | Có       | Số TT 32, 33 và 34 tại PA dồn điền đổi thửa      |
|     |                          |                                   |          |                  |         |                |                     |          | 13                                                       | 1632    | 198,2     | LUC      | Hộ ông Hồ Ngọc Đình      | CS03828 ngày 30/12/2017                                                                                                              |                                                                |                                                     |         |           |                                                                                                                  |                                                |                                   | Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất                                      |                                                                                                      |                     |                                                                                                                                                                                               |         |          |                                                  |
| 7   | Ông Phan Quang Đông      | 1                                 | 13       | 54               | 2025    | 2.142,5        | 693,1               | LUC      | 13                                                       | 547     | 634,2     | LUC      | Ông Phan Quang Đông      | CS05952 ngày 30/12/2017                                                                                                              | 25/12/2018                                                     | 13                                                  | 2025    | 2.142,5   | LUC                                                                                                              | 20/9/2021                                      | Hộ ông Phan Quang Đông (STT 26)   | Nhận thừa kế đất được nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất                | Ông Phan Quang Đông                                                                                  | 1                   | 4214                                                                                                                                                                                          | 16,4%   | Có       | Số TT 38 và 39 tại PA dồn điền đổi thửa          |
|     |                          |                                   |          |                  |         |                |                     |          | 13                                                       | 536     | 644,6     | LUC      | Hộ ông Phan Quang Đông   | CS05950 ngày 30/12/2017                                                                                                              |                                                                |                                                     |         |           |                                                                                                                  |                                                |                                   | Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất                                      |                                                                                                      |                     |                                                                                                                                                                                               |         |          |                                                  |
| 8   | Bà Nguyễn Thị Dung       | 1                                 | 13       | 54               | 2044    | 455,9          | 117,5               | LUC      | 13                                                       | 578     | 488,3     | LUC      | Bà Nguyễn Thị Dung       | CS06954 ngày 30/12/2017                                                                                                              | 25/12/2018                                                     | 13                                                  | 2044    | 455,9     | LUC                                                                                                              | 20/9/2021                                      | Bà Nguyễn Thị Dung (STT 32)       | Nhận thừa kế đất được nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất                | Bà Nguyễn Thị Dung                                                                                   | 1                   | 2052                                                                                                                                                                                          | 5,7%    | Có       | Số TT 97 tại PA dồn điền đổi thửa                |
| 9   | Hộ ông Trương Hải        | 1                                 | 13       | 54               | 1935    | 1.047,9        | 1.046,8             | LUC      | 13                                                       | 167     | 1.164,9   | LUC      | Hộ ông Trương Hải        | CS07314 ngày 30/12/2017                                                                                                              | 25/12/2018                                                     | 13                                                  | 1935    | 1.047,9   | LUC                                                                                                              | 20/9/2021                                      | Hộ ông Trương Hải (STT 36)        | Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất                                      | Hộ ông Trương Hải                                                                                    | 1                   | 2957                                                                                                                                                                                          | 35,4%   | Có       | Số TT 46 tại PA dồn điền đổi thửa                |
| 10  | Hộ ông Huỳnh Văn Huy     | 1                                 | 13       | 54               | 2014    | 614,1          | 361,2               | LUC      | 13                                                       | 1633    | 219,3     | LUC      | Hộ ông Huỳnh Văn Huy     | CS03976 ngày 30/12/2017                                                                                                              | 25/12/2018                                                     | 13                                                  | 2014    | 614,1     | LUC                                                                                                              | 20/9/2021                                      | Hộ ông Huỳnh Văn Huy (STT 49)     | Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất                                      | Hộ ông Huỳnh Văn Huy                                                                                 | 1                   | 2176                                                                                                                                                                                          | 16,6%   | Có       | Số TT 63, 64 và 65 tại PA dồn điền đổi thửa      |
|     |                          |                                   |          |                  |         |                |                     |          | 13                                                       | 469     | 618,5     | LUC      |                          | CS03972 ngày 30/12/2017                                                                                                              |                                                                |                                                     |         |           |                                                                                                                  |                                                |                                   |                                                                                   |                                                                                                      |                     |                                                                                                                                                                                               |         |          |                                                  |
|     |                          |                                   |          |                  |         |                |                     |          | 13                                                       | 247     | 337,2     | LUC      |                          | CS03973 ngày 30/12/2017                                                                                                              |                                                                |                                                     |         |           |                                                                                                                  |                                                |                                   |                                                                                   |                                                                                                      |                     |                                                                                                                                                                                               |         |          |                                                  |
| 11  | Hộ ông Hồ Liên           | 1                                 | 13       | 54               | 2013    | 480,4          | 326,5               | LUC      | 13                                                       | 243     | 592,1     | LUC      | Hộ ông Hồ Liên           | CS04099 ngày 30/12/2017                                                                                                              | 25/12/2018                                                     | 13                                                  | 2013    | 480,4     | LUC                                                                                                              | 20/9/2021                                      | Hộ ông Hồ Liên (STT 62)           | Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất                                      | Hộ ông Hồ Liên                                                                                       | 1                   | 4518                                                                                                                                                                                          | 7,2%    | Có       | Số TT 79 và 80 tại PA dồn điền đổi thửa          |
| 12  | Hộ ông Trương Quang Minh | 1                                 | 13       | 54               | 1916    | 887,0          | 576,0               | LUC      | 13                                                       | 116     | 498,5     | LUC      | Hộ ông Trương Quang Minh | CS02704 ngày 30/12/2017                                                                                                              | 25/12/2018                                                     | 13                                                  | 1916    | 887       | LUC                                                                                                              | 20/9/2021                                      | Hộ ông Trương Quang Minh (STT 63) | Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất                                      | Hộ ông Trương Quang Minh                                                                             | 1                   | 2517,0                                                                                                                                                                                        | 22,9%   | Có       | Số TT 95 và 96 tại PA dồn điền đổi thửa          |

| STT  | Tên chủ sử dụng đất      | Tờ bản đồ địa chính khu đất dự án |          |                  |         |                |                     |          | Thông tin GCNQSD đất đưa vào phương án dồn điền đổi thửa |         |           |          |                          | Kết quả thực hiện phương án dồn điền đổi thửa theo Quyết định phê duyệt số 384/QĐ-UBND ngày 11/02/2019 của UBND thành phố Quảng Ngãi |                                                                | Danh sách hộ gia đình, cá nhân được phê duyệt theo Quyết định số 7617/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thành phố | Thông tin kết quả kiểm tra, niêm yết công khai      |         |           |           |                                                  |                                                                    |                          | Ghi chú |                                                                                   |                                                                                                      |                     |                                                                                                                                                                                               |     |
|------|--------------------------|-----------------------------------|----------|------------------|---------|----------------|---------------------|----------|----------------------------------------------------------|---------|-----------|----------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|---------|-----------|-----------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
|      |                          | Tờ BD                             | Tờ BD DC | Tờ BD DC quy đổi | Số thửa | Diện tích thửa | Diện tích quy hoạch | Loại đất | Tờ BD DC                                                 | Số thửa | Diện tích | Loại đất | Tên chủ sử dụng đất      | Số ngày cấp GCNQSD đất                                                                                                               | Văn bản thỏa thuận chuyển đổi đất nông nghiệp (ngày/tháng/năm) |                                                                                                                  | Thông tin thửa đất theo phương án dồn điền đổi thửa |         |           |           |                                                  | Nguồn gốc đất theo GCNQSDĐ                                         | Chủ sử dụng đất          |         | Vị trí đất nông nghiệp theo QĐ số 4653/QĐ-UBND ngày 22/10/2024 của UBND thành phố | Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng theo GCNQSDĐ và hồ sơ địa chính tại xã Tịnh An Đông (cũ) | Tỷ lệ % đất thu hồi | Hộ gia đình, cá nhân có trực tiếp sản xuất nông nghiệp, đang sử dụng đất nông nghiệp và có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên thửa đất đó (có thì ghi là có, không thì ghi là không) |     |
|      |                          |                                   |          |                  |         |                |                     |          |                                                          |         |           |          |                          |                                                                                                                                      |                                                                |                                                                                                                  | Tờ BD DC                                            | Số thửa | Diện tích | Loại đất  | Biên bản giao đất trên thực địa (ngày/tháng/năm) |                                                                    |                          |         |                                                                                   |                                                                                                      |                     |                                                                                                                                                                                               |     |
|      |                          |                                   |          |                  |         |                |                     |          | 13                                                       | 326     | 410,4     | LUC      | Hộ ông Trương Quang Minh | CS02705 ngày 30/12/2017                                                                                                              |                                                                |                                                                                                                  |                                                     |         |           |           | (STT 72)                                         |                                                                    |                          |         |                                                                                   |                                                                                                      |                     |                                                                                                                                                                                               | mưa |
| 13   | Hộ bà Nguyễn Thị Sinh    | 1                                 | 13       | 54               | 2012    | 487,9          | 306,6               | LUC      | 13                                                       | 478     | 522,7     | LUC      | Hộ bà Nguyễn Thị Sinh    | CS04063 ngày 30/12/2017                                                                                                              | 25/12/2018                                                     | 13                                                                                                               | 2012                                                | 487,9   | LUC       | 20/9/2021 | Hộ bà Nguyễn Thị Sinh (STT 89)                   | Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất                       | Hộ bà Nguyễn Thị Sinh    | 1       | 3626                                                                              | 8,5%                                                                                                 | Có                  | Số TT 117 tại PA dồn điền đổi thửa                                                                                                                                                            |     |
| 14   | Bà Hồ Thị Sương          | 1                                 | 13       | 54               | 1980    | 526,9          | 230,8               | LUC      | 13                                                       | 435     | 564,5     | LUC      | Bà Hồ Thị Sương          | CS08022 ngày 30/12/2017                                                                                                              | 25/12/2018                                                     | 13                                                                                                               | 1980                                                | 526,9   | LUC       | 20/9/2021 | Bà Hồ Thị Sương (STT 94)                         | Nhận thừa kế đất được nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất | Bà Hồ Thị Sương          | 1       | 526,9                                                                             | 43,8%                                                                                                | Có                  | Số TT 86 và 87 tại PA dồn điền đổi thửa                                                                                                                                                       |     |
| 15   | Hộ ông Trần Tâm          | 1                                 | 13       | 54               | 1981    | 1.386,7        | 629,7               | LUC      | 13                                                       | 352     | 1.140,2   | LUC      | Hộ ông Trần Tâm          | CS06912 ngày 30/12/2017                                                                                                              | 25/12/2018                                                     | 13                                                                                                               | 1981                                                | 1.386,7 | LUC       | 20/9/2021 | Hộ ông Trần Tâm (STT 96)                         | Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất                       | Hộ ông Trần Tâm          | 1       | 5298                                                                              | 11,9%                                                                                                | Có                  | Số TT 125 và 126 tại PA dồn điền đổi thửa                                                                                                                                                     |     |
| 16   | Hộ ông Nguyễn Ngọc Thanh | 1                                 | 13       | 54               | 1964    | 619,0          | 76,5                | LUC      | 13                                                       | 301     | 670,2     | LUC      | Hộ ông Nguyễn Ngọc Thanh | CS05981 ngày 30/12/2017                                                                                                              | 25/12/2018                                                     | 13                                                                                                               | 1964                                                | 619,0   | LUC       | 20/9/2021 | Hộ ông Nguyễn Ngọc Thanh (STT 103)               | Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất                       | Hộ ông Nguyễn Ngọc Thanh | 1       | 1944                                                                              | 3,9%                                                                                                 | Có                  | Số TT 134 tại PA dồn điền đổi thửa                                                                                                                                                            |     |
| 17   | Hộ ông Hồ Quang Thành    | 1                                 | 13       | 54               | 1949    | 1.045,0        | 1.045               | LUC      | 13                                                       | 193     | 1.111,7   | LUC      | Hộ ông Hồ Quang Thành    | CS03933 ngày 30/12/2017                                                                                                              | 25/12/2018                                                     | 13                                                                                                               | 1949                                                | 1.045,0 | LUC       | 20/9/2021 | Hộ ông Hồ Quang Thành (STT 106)                  | Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất                       | Hộ ông Hồ Quang Thành    | 1       | 3406                                                                              | 30,7%                                                                                                | Có                  | Số TT 137 tại PA dồn điền đổi thửa                                                                                                                                                            |     |
| 18   | Hộ bà Hồ Thị Linh        | 1                                 | 13       | 54               | 1963    | 549,3          | 97                  | LUC      | 13                                                       | 357     | 601,6     | LUC      | Hộ bà Hồ Thị Linh        | CS07352 ngày 30/12/2017                                                                                                              | 25/12/2018                                                     | 13                                                                                                               | 1963                                                | 549,3   | LUC       | 20/9/2021 | Hộ bà Hồ Thị Linh (STT 111)                      | Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất                       | Hộ bà Hồ Thị Linh        | 1       | 1356                                                                              | 7,1%                                                                                                 | Có                  | Số TT 81 tại PA dồn điền đổi thửa                                                                                                                                                             |     |
| 19   | Hộ bà Phạm Thị Thông     | 1                                 | 13       | 54               | 1930    | 401,5          | 386,0               | LUC      | 13                                                       | 263     | 432,8     | LUC      | Hộ bà Phạm Thị Thông     | CS03951 ngày 30/12/2017                                                                                                              | 25/12/2018                                                     | 13                                                                                                               | 1930                                                | 401,5   | LUC       | 20/9/2021 | Hộ bà Phạm Thị Thông (STT 114)                   | Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất                       | Hộ bà Phạm Thị Thông     | 1       | 1569                                                                              | 24,6%                                                                                                | Có                  | Số TT 145 tại PA dồn điền đổi thửa                                                                                                                                                            |     |
| 20   | Hộ ông Hồ Công Thự       | 1                                 | 13       | 54               | 1962    | 782,0          | 35,3                | LUC      | 13                                                       | 313     | 838,5     | LUC      | Hộ ông Hồ Công Thự       | CS02912 ngày 30/12/2017                                                                                                              | 25/12/2018                                                     | 13                                                                                                               | 1962                                                | 782,0   | LUC       | 20/9/2021 | Hộ ông Hồ Công Thự (STT 116)                     | Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất                       | Hộ ông Hồ Công Thự       | 1       | 2309                                                                              | 1,5%                                                                                                 | Có                  | Số TT 148 tại PA dồn điền đổi thửa                                                                                                                                                            |     |
| 21   | Hộ ông Huỳnh Minh Thụy   | 1                                 | 13       | 54               | 1995    | 804,1          | 374,9               | LUC      | 13                                                       | 211     | 302,3     | LUC      | Hộ ông Huỳnh Minh Thụy   | CS02778 ngày 30/12/2017                                                                                                              | 25/12/2018                                                     | 13                                                                                                               | 1995                                                | 804,1   | LUC       | 20/9/2021 | Hộ ông Huỳnh Minh Thụy (STT 119)                 | Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất                       | Hộ ông Huỳnh Minh Thụy   | 1       | 2373                                                                              | 15,8%                                                                                                | Có                  | Số TT 152 và 153 tại PA dồn điền đổi thửa                                                                                                                                                     |     |
|      |                          |                                   |          |                  |         |                |                     |          | 13                                                       | 359     | 520,9     | LUC      |                          | CS02777 ngày 30/12/2017                                                                                                              |                                                                |                                                                                                                  |                                                     |         |           |           |                                                  |                                                                    |                          |         |                                                                                   |                                                                                                      |                     |                                                                                                                                                                                               |     |
| 22   | Hộ ông Võ Tấn Trà        | 1                                 | 13       | 54               | 2042    | 620,7          | 620,7               | LUC      | 13                                                       | 570     | 662,2     | LUC      | Hộ ông Võ Tấn Trà        | CS02526 ngày 30/12/2017                                                                                                              | 25/12/2018                                                     | 13                                                                                                               | 2042                                                | 620,7   | LUC       | 20/9/2021 | Hộ ông Võ Tấn Trà (STT 122)                      | Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất                       | Hộ ông Võ Tấn Trà        | 1       | 2179                                                                              | 28,5%                                                                                                | Có                  | Số TT 156 tại PA dồn điền đổi thửa                                                                                                                                                            |     |
| 23   | Hộ ông Bùi Văn Tuấn      | 1                                 | 13       | 54               | 2043    | 1.033,2        | 208,8               | LUC      | 13                                                       | 562     | 1.107,0   | LUC      | Hộ ông Bùi Văn Tuấn      | CS03511 ngày 30/12/2017                                                                                                              | 25/12/2018                                                     | 13                                                                                                               | 2043                                                | 1.033,2 | LUC       | 20/9/2021 | Hộ ông Bùi Văn Tuấn (STT 133)                    | Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất                       | Hộ ông Bùi Văn Tuấn      | 1       | 2137                                                                              | 9,8%                                                                                                 | Có                  | Số TT 171 tại PA dồn điền đổi thửa                                                                                                                                                            |     |
| 24   | Hộ ông Trần Quang Việt   | 1                                 | 13       | 54               | 1979    | 511,9          | 192,0               | LUC      | 13                                                       | 420     | 546,0     | LUC      | Hộ ông Trần Quang Việt   | CS03511 ngày 30/12/2017                                                                                                              | 25/12/2018                                                     | 13                                                                                                               | 1979                                                | 511,9   | LUC       | 20/9/2021 | Hộ ông Trần Quang Việt (STT 144)                 | Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất                       | Hộ ông Trần Quang Việt   | 1       | 3397                                                                              | 5,7%                                                                                                 | Có                  | Số TT 179 tại PA dồn điền đổi thửa                                                                                                                                                            |     |
| Tổng |                          |                                   |          |                  |         | 17.921,3       | 9.503,6             |          |                                                          |         |           |          |                          |                                                                                                                                      |                                                                |                                                                                                                  |                                                     |         |           |           |                                                  |                                                                    |                          |         |                                                                                   |                                                                                                      |                     |                                                                                                                                                                                               |     |

**Ghi chú: Danh sách có 24 hộ gia đình, cá nhân.**